

**TÓM TẮT PHƯƠNG ÁN
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2022 – 2031**



Năm 2023

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
TSC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thúy Sơn, Công ty Thúy Sơn
ĐDSH	Đa dạng sinh học
CNQSDĐ	Chứng nhận quyền sử dụng đất
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
KH - KT	Khoa học - Kỹ thuật
UBND	Ủy ban nhân dân
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
ATLĐ	An toàn lao động
VSLĐ	Vệ sinh lao động
PCCN	Phòng cháy cháy nổ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XD CB	Xây dựng cơ bản
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HTKT	Hệ thống khai thác
BHLĐ	Bảo hộ lao động
KT trắng	Khai thác trắng
TK	Tiểu khu
BVR	Bảo vệ rừng
CCR	Chứng chỉ rừng
CCRTS	Chứng chỉ rừng Thúy Sơn

LỜI NÓI ĐẦU

I. Sự cần thiết

Rừng không những là cơ sở phát triển kinh tế - xã hội mà còn giữ chức năng sinh thái cực kỳ quan trọng: rừng tham gia vào quá trình điều hoà khí hậu, đảm bảo chu chuyển Oxy và các nguyên tố cơ bản khác trên hành tinh, duy trì tính ổn định và độ màu mỡ của đất, hạn chế lũ lụt, hạn hán, ngăn chặn xói mòn đất, làm giảm nhẹ sức tàn phá khốc liệt của các thiên tai, bảo tồn nguồn nước mặt và nước ngầm và làm giảm mức ô nhiễm không khí và nước.

Trước đây phần lớn đất nước Việt Nam có rừng che phủ, nhưng chỉ khoảng một thế kỷ qua, rừng bị suy thoái nặng nề. Qua quá trình quản lý chưa bền vững, độ che phủ của rừng ở Việt Nam đã giảm sút đến mức báo động. Chất lượng của rừng đã bị hạ thấp quá mức.

Nhận thức ấy đã được thể hiện bằng những chương trình, kế hoạch và các hoạt động cụ thể tác động vào rừng. Kết quả là trong những năm qua, diện tích rừng có chiều hướng tăng lên. Tuy nhiên, chất lượng rừng của Việt Nam kể cả rừng tự nhiên và rừng trồng đều đang ở mức thấp. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã có chiến lược phát triển lâm nghiệp 2006 – 2020. Trong đó đặc biệt coi trọng quản lý rừng bền vững với mục tiêu đạt được 30% diện tích rừng sản xuất có chứng chỉ FSC® vào năm 2020.

Quản lý rừng bền vững là định hướng chiến lược quan trọng nhằm phát huy tối đa tiềm năng của ngành góp phần đóng góp vào nền kinh tế quốc dân; cải thiện đời sống người dân vùng rừng núi; bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng. Nhận thức rõ điều này, Nhà nước đã và đang từng bước hoàn thiện khuôn khổ thể chế chính sách và thúc đẩy các hoạt động thực tiễn để quản lý rừng được bền vững.

* *Về kinh tế*, rừng là nguồn cung cấp nhiều loại lâm sản cần thiết cho cuộc sống. Gỗ từ rừng trồng là nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến làm ra đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ, đồ nội thất. Ngày nay, với khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, con người đã chế ra nhiều nguyên liệu tổng hợp từ các sản phẩm hóa học, nhưng vẫn không thể thay thế được vai trò của gỗ trong đời sống. Các sản phẩm từ rừng sản xuất nói chung và rừng trồng nói riêng là nguồn gỗ nguyên liệu chính để sản xuất ra hàng ngàn vật dụng quen thuộc phục vụ nhu cầu cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của con người, mang lại lợi ích kinh tế cao.

* *Về xã hội*, trồng rừng góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương sống gần rừng, hạn chế nguy cơ chặt phá rừng tự nhiên làm nương rẫy và các tác động tiêu cực của người dân vào rừng.

* *Về môi trường*, rừng còn giữ vai trò điều hòa khí hậu, bảo vệ sự sống, điều tiết dòng chảy, chống xói mòn đất, hạn chế thiên tai, lũ lụt. Đặc biệt, rừng là khu bảo tồn thiên nhiên vô giá với hàng ngàn loài động, thực vật quý giá, là nơi tàng trữ các nguồn gen quý hiếm, có giá trị trong lai tạo giống mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn cam kết thực hiện quản lý rừng bền vững và triển khai lập Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2018 - 2027, góp phần bảo vệ

môi trường, đảm bảo phát triển xã hội và đạt hiệu quả kinh tế trong công tác quản lý rừng và đất rừng của Công ty trong bối cảnh của chiến lược phát triển lâm nghiệp 2006 - 2020 và tiêu chuẩn của FSC®.

PHẦN 1: NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLR BỀN VỮNG

I. Chính sách và Pháp luật của Nhà nước

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc Hội;

Căn cứ luật trồng trọt Luật Trồng Trọt số 34/2018/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Về việc Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 04 năm 2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Quy định về Phòng cháy và chữa cháy rừng;

Căn cứ Tiêu chuẩn TCVN 8928 : 2013 Về việc Phòng trừ Bệnh hại cây rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Chi thị số 19/2004/CT-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp phát triển ngành chế biến gỗ và xuất khẩu sản phẩm gỗ;

Căn cứ Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 06/11/2018 của Bộ NN&PTNT Quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ công văn số 523/SNN-KL ngày 08/03/2017 của Sở Nông Nghiệp tỉnh Cà Mau về việc Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Luật phòng cháy chữa cháy số 40/2013/QH13 do Quốc Hội ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 do quốc hội ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;

II. Cơ chế chính sách

Căn cứ Quyết định số 87/2013/QĐ.TGD, ngày 01 tháng 10 năm 2013 về việc thành lập Ban Quản Lý rừng sản xuất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Sơn tại khu vực Phân trường U Minh II, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

III. Cam kết quốc tế

- Công ước quốc tế ILO số 182 Công ước Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức lao trẻ em tồi tệ nhất ngày 17 tháng 6 năm 1999 tại Gie-ne-ve.

- Công ước Quốc tế CITES về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp, ký kết tại Washington D.C ngày 01 tháng 3 năm 1973.

- Công ước đa dạng sinh học 1992: bảo tồn các dạng tài nguyên sinh học, sử dụng một cách hợp lý các thành phần của ĐDSH, chia sẻ một cách đúng đắn, hợp lý và công bằng. Việt Nam tham gia ký kết ngày 16 tháng 11 năm 1994.

- Luật LACEY: 22/05/1990 giải quyết vấn đề khai thác gỗ trái phép và buôn bán gỗ bất hợp pháp khác trên lãnh thổ Hoa Kỳ.

- EUTR: 03/3/2013 Liên Minh Châu Âu áp dụng “Quy định về trách nhiệm giải trình” đối với đồ gỗ nhập khẩu vào thị trường này (Luật Định EUTR). Theo đó, các doanh nghiệp phải chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ.

IV. Bộ tiêu chuẩn FSC®

Gồm 10 nguyên tắc và 70 tiêu chí và bộ tiêu chuẩn FSC® cho nhóm quản lý rừng bền vững.

V. Tài liệu sử dụng

1. Bản đồ

- Bản đồ hiện trạng rừng của công ty năm 2023;
- Bản đồ kiểm kê rừng năm 2014;
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng của Tỉnh xây dựng năm 2016.

2. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng

- Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam 2021-2030, định hướng đến 2050;
- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Cà Mau 2021-2025

3. Các Báo cáo chuyên đề

- Báo cáo đánh giá Tác động Môi trường, Nhóm hộ CCR Thủy Sơn 2023
- Báo cáo đánh giá Tác động Xã hội, Nhóm hộ CCR Thủy Sơn 2023
- Báo cáo đánh giá Rừng có giá trị bảo tồn (HCV), Nhóm hộ CCR Thủy Sơn 2023
- Báo cáo Đánh giá trữ lượng rừng trồng, Nhóm hộ CCR Thủy Sơn 2023
- Sổ tay Quản lý Nhóm hộ Chứng chỉ rừng Thủy Sơn 2023.

PHẦN 2: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN – XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ QUY MÔ NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG

I. Đặc điểm tự nhiên¹

1. Vị trí địa lý, phạm vi ranh giới, diện tích

- Diện tích đất lâm nghiệp của Nhóm Chứng chỉ rừng Thuý Sơn (CCRTS) bao gồm rừng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thuý Sơn là 751,64 ha và rừng của các hộ gia đình là 148,86ha. Toàn bộ diện tích rừng của Nhóm đưa vào xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững thuộc xã Khánh Thuận huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Tọa độ địa lý đất lâm nghiệp của Nhóm CCR:

+ Từ 104⁰ 55' 57" đến 104⁰ 57' 9" kinh độ Đông;

+ Từ 9⁰ 27' 51" đến 9⁰ 29' 15" vĩ độ Bắc.

- Phạm vi Ranh giới hành chính đất lâm nghiệp của Nhóm CCR:

+ Phía Tây Bắc giáp Kênh 27,5 và Kênh 29

+ Phía Tây Nam giáp Kênh tư

+ Phía Đông Nam giáp Kênh 24

+ Phía Đông Bắc giáp kênh 5 Kênh

* Phần đất của Nhóm CCR Thuý Sơn cách thị trấn U Minh khoảng 25 – 30 km về phía Tây Bắc.

2. Địa hình

Nhìn chung khu đất của Nhóm CCR Thuý Sơn địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao từ 0,2 m đến 0,4 m so với mặt nước biển, nhiều vùng trũng thấp ngập nước trong mùa mưa; độ sâu ngập trung bình vào mùa mưa khoảng 0,6 m bị chia cắt bởi nhiều kênh xáng.

II. Hiện trạng mạng lưới đường xá của đơn vị

Do có hệ thống sông ngòi và kênh rạch hoàn chỉnh nên lưu thông đường thủy là loại hình giao thông chính trong khu vực, giao thông đường bộ kém phát triển. Người dân địa phương sử dụng ghe, xuồng, vỏ lãi làm phương tiện chính để di chuyển.

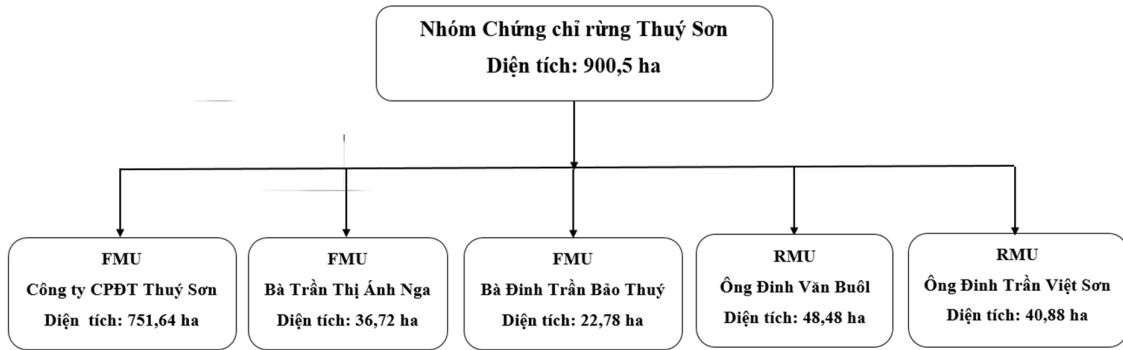
Giao thông từ khu vực rừng về trụ sở công ty có thể sử dụng đường bộ hoặc đường thủy, tuy nhiên giao thông đường thủy phát triển hơn do loại hình giao thông này có khả năng vận chuyển hàng hóa với chi phí thấp. Quá trình lưu thông từ rừng về công ty đi qua các con sông lớn như sông Cái Tàu, sông Vĩnh Thuận, kênh xáng Xà No, sông Cái Răng, thuận lợi cho công tác vận chuyển gỗ từ rừng về công ty với số lượng lớn.

III. Quy mô nhóm CCR Thuý Sơn

1. Mục đích thành lập Nhóm CCR Thuý Sơn

Nhóm CCR Thuý Sơn được thành lập để thực hiện mục tiêu quản lý rừng bền vững, cung cấp ra thị trường một khối lượng gỗ có chứng chỉ rừng FSC[®], đạt được hiệu quả về kinh tế lâm nghiệp, cải thiện sinh kế, đồng thời duy trì và phát triển các giá trị môi trường, văn hóa - xã hội và kinh tế.

2. Cơ cấu tổ chức Nhóm hộ CCR Thuý Sơn



3. Hiện trạng nguồn nhân lực, lao động của Nhóm CCR Thuý Sơn

Nhóm CCR Thuý Sơn do Công ty CPĐT Thuý Sơn chịu trách nhiệm quản lý. Lực lượng lao động thực hiện các hoạt động giám sát, quản lý và bảo vệ rừng đều sử dụng nguồn lao động của công ty Thuý Sơn. Ngoại trừ các hoạt động hiện trường như khai thác, vận chuyển, trồng rừng sẽ có các Hợp đồng với các nhà thầu.

4. Mô tả các vùng đất liền kề

Xung quanh khu vực rừng của Nhóm là rừng trồng của các đơn vị khác như: công ty lâm nghiệp U Minh Hạ, công ty Sông Tiền, công ty Khánh Linh, công ty Hào Hưng và của dân địa phương. Các đơn vị này đều hoạt động trong lĩnh vực trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ, họ vừa là đối tác vừa là đối thủ cạnh tranh với công ty.

PHẦN 3 - MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG KEO CỦA NHÓM CCR THUY SƠN

I. Mục tiêu quản lý

1. Mục tiêu chung

- Mục tiêu tổng quát của kế hoạch quản lý rừng bền vững nhóm CCR Thuý Sơn đó là sử dụng rừng có hiệu quả với chi phí và lợi nhuận tối ưu nhất, phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Đáp ứng đầy đủ 10 nguyên tắc quản lý rừng bền vững FSC® và bộ tiêu chuẩn FSC® cho nhóm quản lý rừng bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường.

- Tổ chức kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao, tăng chuỗi giá trị gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC® lên cao so với gỗ không có chứng chỉ.

- Áp dụng công nghệ, kỹ thuật mới trong trồng rừng, chăm sóc và khai thác, chế biến gỗ tiên tiến để tận dụng lâm sản với giá thành thấp, chất lượng cao, sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Mục đích xây dựng một quy trình khép kín từ trồng rừng – thực hiện chứng chỉ rừng- và sản xuất, chế biến cho các sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC®.

- Tạo nguồn thu nhập ổn định từ trồng rừng, thúc đẩy mối liên kết giữa người trồng rừng và các đơn vị thu mua gỗ có chứng chỉ và đầu ra ổn định cho gỗ có chứng chỉ FSC®.

- Bảo vệ môi trường thông qua sự thúc đẩy quản lý rừng bền vững, áp dụng các biện pháp quản lý thân thiện với môi trường, nâng cao nhận thức và tuân thủ các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kinh tế

- Tối ưu hóa lợi nhuận từ các sản phẩm gỗ có chứng chỉ, tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu chi phí.

- Kinh doanh hiệu quả và bền vững 900,5 ha rừng trồng Keo, bảo đảm năng suất bình quân rừng trồng đạt 232 m³/ ha đối với rừng 5 năm tuổi và đầu ra ổn định. Trong đó:

+ Diện tích rừng sản xuất: 810,45 ha.

+ Diện tích khu vực Bảo tồn ĐDSH: 90,05 ha.

- Việc quản lý bền vững Nhóm CCR Thuý Sơn phải trở thành mô hình mẫu tại tỉnh Cà Mau nói riêng và toàn quốc nói chung về quản lý rừng bền vững và hiệu quả kinh tế kinh doanh rừng.

- Dựa vào kế hoạch khai thác của TSC và số liệu đăng ký từ các hộ thành viên, năm 2023 diện tích khai thác ước tính (đối với rừng trồng 5 tuổi-năm trồng 2018) là

131,05 ha, với trữ lượng gỗ Cung cấp trung bình ước tính 34.266 m³ gỗ làm nguyên liệu cho nhà máy chế biến viên nén năng lượng, nhà máy gỗ xẻ trên địa bàn và toàn quốc. Do các thành viên Nhóm CCR mới trồng rừng các năm từ 2019-2021, nên diện tích khai thác năm 2023 hoàn toàn là diện tích theo kế hoạch của Công ty TSC.

- Gia tăng giá trị bán ra cho gỗ có chứng chỉ FSC[®]. Xây dựng và duy trì mối liên kết giữa Nhóm CCR và các bên có nhu cầu mua gỗ có chứng chỉ FSC[®] (Công ty, nhà máy chế biến,...). Đóng góp vào sự phát triển của kinh tế địa phương

2.2. Về xã hội

- Nâng cao thu nhập từ rừng, từ đó ổn định đời sống của người dân, ổn định chính trị, xã hội.

- Nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng.

- Phát triển mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương với doanh nghiệp trong kinh doanh rừng, trồng rừng, khai thác, tiêu thụ, chế biến lâm sản.

- Tạo hiệu ứng, khuyến khích cộng đồng địa phương, những hộ chưa tham gia FSC[®] cùng tham gia QLRBV.

2.3. Về môi trường

- Tổng diện tích rừng được bảo vệ là 900,5 ha, chủ yếu là keo lai trồng trên đất rừng sản xuất.

- Bảo vệ và phục hồi môi trường thông qua việc duy trì và nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn, khuyến khích các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường, bảo vệ và tăng độ phì của đất, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động trồng rừng, khai thác gỗ với kỹ thuật thân thiện với môi trường.

- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, thông qua diện tích khu vực Nhóm quy hoạch làm khu bảo tồn ĐDSH là 90,05 ha và làm giàu vùng rừng đệm ...

- Áp dụng khai thác chọn lọc, khai thác tác động thấp để giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, giảm khả năng mất đất, duy trì dinh dưỡng đất, và tăng năng suất.

II. Thời gian thực hiện kế hoạch

Phương án quản lý rừng bền vững của nhóm CCR Thuý Sơn được xây dựng cho thời gian 10 năm, từ 2022-2031.

III. Hiệu quả, tính bền vững về mặt kinh tế, xã hội, môi trường

1. Kinh tế

- Nâng cao giá trị sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên một đơn vị diện tích, các sản phẩm gỗ, củi khai thác đáp ứng nhu cầu thị trường, doanh thu hàng năm của Công ty và các hộ thành viên luôn được ổn định.

- Tăng thêm thu nhập cho người dân vùng phụ cận từ nghề rừng, góp một phần cải thiện đời sống cho người dân.

- Xây dựng vùng cung cấp nguyên liệu gỗ ổn định để phục vụ cho ngành bao bì, sản xuất dăm gỗ, thủ công mỹ nghệ,... phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

2. Xã hội

- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương: tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương sống gần và ven rừng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tạo thêm việc làm cho 60 lao động địa phương góp phần cho cải thiện đời sống kinh tế của người nghèo và từ đó góp phần giảm việc khai phá rừng trái phép cũng như giảm bớt việc mất an ninh trật tự ở địa phương. Bên cạnh đó, Nhóm CCR Thuý Sơn trồng rừng Keo Lai cung cấp vùng nguyên liệu cho các nhà máy; khi nhà máy có đủ nguyên liệu sản xuất liên tục cũng là góp phần tăng thu nhập, thu hút nguồn lao động trong xã hội.

- Kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, hỗ trợ gỗ, hỗ trợ giống cây trồng nông lâm nghiệp, tập huấn chuyên giao kỹ thuật – kỹ năng canh tác nông lâm nghiệp, tạo ra sản phẩm hàng hoá, góp phần xoá đói giảm nghèo cho các cộng đồng và giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của người dân tới sự phát triển của rừng.

- Gìn giữ phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý rừng.

3. Môi trường

- Bảo tồn đa dạng sinh học và các mẫu sinh thái có giá trị bảo tồn.

- Độ che phủ rừng được nâng lên, góp phần cho việc cân bằng hệ sinh thái trong khu vực và bảo vệ môi trường thiên nhiên bền vững nói chung; trực tiếp cải tạo môi trường nước và đất là điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất Lâm-Ngư kết hợp.

- Góp phần bảo vệ môi trường, giảm khí thải, hiệu ứng nhà kính. Phát huy tối đa chức năng của rừng như: Bảo vệ đất đai, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, v.v, giữ gìn các giá trị tự nhiên của hệ sinh thái trong khu vực của công ty cũng như trong khu vực xung quanh.

IV. Kế hoạch quản lý rừng theo hướng bền vững của nhóm

1. Hiện trạng rừng của nhóm

- Tổng diện tích rừng của nhóm đăng ký vào NhómCCR Thuý Sơn là 900,50ha. Trong đó 810,45 ha là diện tích rừng trồng thuần loài keo lai và 90,05ha là diện tích khu vực bảo vệ. Diện tích và vị trí cụ thể được đưa ra ở bảng 6.

Bảng 6. Hiện trạng rừng của Nhóm

STT	Năm trồng	Tổng cộng (ha)	Diện tích chia theo vị trí (ha)				
			Tiểu khu 019	Tiểu khu 020	Tiểu khu 021	Tiểu khu 022	Bờ kênh
1	2017	146,33	90,12	34,83	21,38		
2	2018	150,28	30,98	45,14	74,16		
3	2019	133,59	19,3	40,88	69,98		4,17
4	2020	131,16	12,9	90,69	27,57		
5	2021	152,40	6,03	49,88	87,13	12,54	
6	2022	92,77	43,09	0	33,48		16,2
7	Bảo tồn ĐDSH	90,05	27,1	62,95			
Tổng		900,50	229,52	324,37	313,70	12,54	20,37

2. Trồng rừng

- Khuyến khích trồng rừng lại sau khi khai thác, không để đất trống quá lâu.
- Đối với các khu vực bảo vệ phải được sử dụng các loài cây bản địa phù hợp để trồng và bảo vệ cảnh quan cũng như đa dạng sinh học trong khu vực này.

Bảng 7: Kế hoạch trồng rừng của Nhóm CCR từ năm 2022 - 2031

STT	Năm trồng	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
1	2022	92,77	0	92,77	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 5, 7; Tiểu khu 021 Bờ kênh
2	2023	131,05	0	131,05	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3; Tiểu khu 021
3	2024	81,96	69,76	151,72	Khoảnh 3, 4, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 4, 5, 6; Tiểu khu 021

STT	Năm trồng	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
4	2025	112,21	32,87	145,08	Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
5	2026	104,42	46,23	150,65	Khoảnh 1, 3; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 5,6 ; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022
6	2027	148,42	0	148,42	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 5; Tiểu khu 021
7	2028	168,86	0	168,86	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 5, 7; Tiểu khu 012 Bờ kênh
8	2029	93,02	69,76	162,78	Khoảnh 3, 4; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 3, 4, 6; Tiểu khu 021
9	2030	133,59	32,87	166,46	Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
10	2031	117,7	46,23	163,93	Khoảnh 1, 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5, 6; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022

Kỹ thuật trồng keo lai

Loài cây Keo Lai (Acacia hybrid)

- Chu kỳ kinh doanh: 5 năm.

- Các biện pháp lâm sinh.

* Trồng rừng

+ Mật độ trồng: cự ly trồng 1,7m x 1,8m; (Căn cứ vào kết quả giám sát năm 2016 và 2017, từ năm 2018 Công ty đã điều chỉnh mật độ trồng phù hợp để hạn chế chuột cắn phá và sâu bệnh hại cho Keo lai, đồng thời giúp cây phát triển nhanh hơn).

+ Tiêu chuẩn cây con, thời vụ trồng và cách trồng cây:

* Tiêu chuẩn cây con:

- Tuổi cây: 3 - 4 tháng.

- Chiều cao cây: 25 – 30 cm.

- Đường kính cổ rễ: $\geq 0,3$ cm.

- Cây khoẻ, có sức sinh trưởng tốt, cân đối, có hệ rễ và lá phát triển đầy đủ, không bị sâu bệnh, không cong queo, không cụt ngọn, không vỡ bầu hoặc các tổn thương thân cây.

+ Thời vụ trồng: Thời vụ trồng từ tháng 6 đến cuối tháng 12 dương lịch, tùy vào tình hình thời tiết cụ thể để chọn thời điểm trồng phù hợp nhất, tránh trồng trong những đợt nắng hạn đột xuất. Trồng vào các ngày thời tiết râm mát hoặc có mưa nhỏ, không trồng trong những ngày nắng gắt hoặc mưa to, gió lớn.

+ Cách trồng cây: Dùng dao hoặc leng để đào hố với kích thước khoảng 10x10x12cm, xé bỏ vỏ bầu, đặt cây con vào giữa hố, để mặt bầu thấp hơn miệng hố 1 – 2cm, lấp đất tơi xốp vào hố phủ kín cổ rễ hình bát úp, dùng tay nén nhẹ chung quanh gốc để giữ ẩm và thoát nước cho cây con. Nếu không có mưa thì phải tưới nước cho cây trong giai đoạn đầu cho đến khi phục hồi bén rễ.

* Chăm sóc rừng:

Sau khi trồng từ 10 – 15 ngày tiến hành kiểm tra tỉ lệ cây chết. Sau đó tiến hành đưa cây giống vào trồng dặm toàn bộ những cây bị chết.

- Năm thứ nhất và thứ hai: Tiến hành làm cỏ, dọn dây leo, vệ sinh rừng, tỉa cành nhánh, tỉa cây sâu bệnh, đổ ngã.

- Năm thứ 3 tiến hành chặt tỉa thưa chủ yếu là chặt những cây có nhiều thân, những cây dưới tán sinh trưởng kém, thân hình không cân đối, cây sâu bệnh, những nơi mật độ phân bố dày... chừa lại mật độ khoảng 70%, khai thác chính vào khoảng năm thứ 5. Sau khi khai thác, tiến hành cuộc nạo vét, tạo lớp thực bì mới cho mặt lớp để tiến hành trồng rừng mới.

Trong thời gian trồng rừng, chăm sóc rừng Nhóm CCR luôn kiểm tra, giám sát công tác trồng và chăm sóc rừng về cự ly trồng, kỹ thuật trồng và chăm sóc có đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật hay không. Nếu không thì yêu cầu chỉnh sửa ngay.

3. Chăm sóc rừng

Bảng 8: Kế hoạch chăm sóc rừng của Nhóm CCR từ năm 2022 - 20231

Năm	Diện tích (ha)		Tổng
	Rừng 1 tuổi	Rừng 2 tuổi	
2022	106,17	108,11	214,28
2023	121,1	106,17	227,27

Năm	Diện tích (ha)		Tổng
	Rừng 1 tuổi	Rừng 2 tuổi	
2024	131,05	121,1	280,17
2025	151,72	131,05	327,39
2026	145,08	151,72	313,4
2027	150,65	145,08	295,73
2028	148,42	150,65	299,07
2029	168,86	148,42	317,28
2030	162,78	168,86	331,64
2031	166,46	162,78	329,24

(Chưa trừ diện tích bảo vệ)

4. Khai thác

Đảm bảo tỷ lệ khai thác thấp hơn lượng tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng diện tích rừng của Nhóm CCR.

Bảng 9: Kết quả điều tra Tăng trưởng rừng trên diện tích rừng của Nhóm CCR năm 2023

Năm	Chỉ tiêu bình quân năm 2021				Chỉ tiêu bình quân năm 2022				Chỉ tiêu bình quân năm 2023				m ³ /tổng diện tích tự nhiên (m ³)	Lượng tăng trưởng năm 2021 (m ³ /ha/năm)	Ghi chú	
	H _{Vn} (m)	D _{1,3} (cm)	Mật độ (cây/ha)	m ³ /ha tự nhiên	H _{Vn} (m)	D _{1,3} (cm)	Mật độ (cây/ha)	M/ha tự nhiên	Diện tích (ha)	H _{Vn} (m)	D _{1,3} (cm)	Mật độ (cây/ha)				m ³ /ha tự nhiên
2017	17,97	11,71	2.390	175,36	19,17	13,22	2.390	238,44	146,33	20,91	14,27	2395	301,16	44.068,74	62,72	Đã tía thưa 30%
2018	15,95	9,97	2.392	112,17	18,15	12,04	2.383	173,78	150,28	19,75	13,39	2383	233,27	35.055,82	59,49	
2019				100	15,92	9,96	3.305	113,43	57,93	18,3	11,9	2350	172,8	10.319,12	59,37	Chưa tía thưa 30%
								161,43	69,76	17,54	10,64	3275	201,66	14.067,80	40,23	
2020				50				100	140,98	15,8	9,8	3361	160,88	22.680,86	60,88	Chưa tía thưa 30%
2021								50	152,4				100	15.240,00	50	
2022									92,77				50	4.985,64	50	
Bảo tồn ĐDSH				11.208,41				20.049,65	90,05					14.653,99		
Tổng									900,5					161.071,98	57,08	

- Lượng tăng trưởng và phát triển rừng tốt. Tổng trữ lượng cây đứng toàn diện tích đến kỳ điều tra là 161.071,98 m³, trừ đi trữ lượng khu bảo tồn ĐDSH còn lại 146.417,99 m³. Trong đó:

- Rừng 1 tuổi là: 4.985,64 m³
- Rừng 2 tuổi là: 15.240,00 m³
- Rừng 3 tuổi là: 22.680,86 m³
- Rừng 4 tuổi là: 24.386,92 m³

- Rừng 5 tuổi là: 35.055,82 m³
- Rừng 6 tuổi là: 44.068,74 m³

- Lượng tăng trưởng bình quân của rừng tăng 50 – 62,72m³/ha/năm đất tự nhiên. Trung bình lượng tăng trưởng rừng tăng 57,08m³/ha/năm. Trong đó: 1 - 3 tuổi tăng 50 – 60,88m³/ha/năm (ước lượng dựa vào kết quả đo đếm trừ lượng năm 3 tuổi, năm 1 tuổi trừ lượng khoảng 50m³/ha, năm 2 tuổi trừ lượng khoảng 100m³/ha), 4 - 6 tuổi tăng 59,37 – 62,72m³/ha/năm.

- Tăng trưởng rừng bình quân năm 2023 là 57,08 m³/ha/năm, tổng tăng trưởng rừng bình quân là 46.257,78 m³/năm. Số lượng khai thác hằng năm không được vượt quá mức tăng trưởng rừng một năm.

- Định mức trữ lượng rừng:

Bảng 10: Định mức trữ lượng rừng các cấp tuổi

Tuổi rừng	Trữ lượng m ³ / ha tự nhiên (Chưa tía thưa)	Trữ lượng m ³ / ha tự nhiên (Đã tía thưa 30% năm 3 tuổi)
1	50	
2	100	
3	160	112
4		172
5		232
6		292

Bảng 11: Trữ lượng và Tăng trưởng rừng của Nhóm năm 2023

STT	Năm trồng	Tổng diện tích (ha)	Lượng tăng trưởng bình quân năm 2023 (m ³ /ha/năm)	Tổng mức tăng trưởng (m ³)	Trữ lượng bình quân năm 2023 (m ³ /ha)	Tổng trữ lượng rừng (m ³)
1	2017	146,33	62,72	9.177,82	301,16	44.068,74
2	2018	150,28	59,49	8.940,16	233,27	35.055,82
3	2019	127,69	59,37	7.580,96	172,80	22.064,83
4	2020	140,98	60,88	8.582,86	160,88	22.680,86
5	2021	152,40	50,00	7.620,00	100,00	15.240,00
6	2022	92,77	50,00	4.638,50	50,00	4.638,50
Tổng		810,45		46.540,29		143.748,75

Ghi chú:

- Năm 2023 khai thác một phần rừng trồng năm 2017 và một phần rừng trồng năm 2018, tổng diện tích khai thác là 131,05 ha, tổng trữ lượng khai thác là 34.265,80 m³.

- Trữ lượng sau khai thác:

+ Tỉa thưa năm 3 tuổi (đã tỉa thưa 30%): 110 - 120 m³/ha.

+ Khai thác trắng (đã tỉa thưa): 230 – 240m³/ha/chu kì 5 năm.

4.1. Cấp phép khai thác

Theo thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản thì cá nhân, hộ gia đình tự quyết định khai thác rừng trồng của mình.

Trước khi khai thác, Nhóm CCR sẽ lập báo cáo địa danh, diện tích, khối lượng lâm sản dự kiến khai thác trong năm, để theo dõi và thực hiện. Sau khai thác mỗi lô rừng, Nhóm CCR sẽ gửi Báo cáo kết quả thực hiện đến Hạt kiểm lâm để theo dõi quản lý.

4.2. Phương thức khai thác

Rừng trồng đạt 3 năm tuổi sẽ tiến hành khai thác tỉa thưa mật độ khoảng 30%. Còn lại tiến hành nuôi dưỡng rừng đạt 5 năm tuổi sẽ tiến hành khai thác trắng.

- Thiết bị khai thác

+ Thực hiện khai thác tác động thấp theo quy trình về khai thác rừng trồng do công ty ban hành.

+ Các công cụ khai thác: gồm cưa xăng.

- Phương thức vận chuyển gỗ: vận chuyển bằng đường thủy. Sử dụng các phương tiện nhỏ như ghe, xuồng để vận chuyển gỗ từ rừng ra sông lớn, sau đó chuyển sang phương tiện lớn hơn để vận chuyển gỗ đến nơi tiêu thụ.

4.3. Tổ chức khai thác và giám sát khai thác

Sau khi được phê duyệt bảng kê lâm sản khai thác, công ty sẽ thực hiện các việc sau:

- Hợp đồng thuê lao động để khai thác.

- Tập huấn khai thác tác động thấp, an toàn lao động trong khai thác cho công nhân trang bị đầy đủ trang thiết bị về an toàn lao động cho người lao động.

- Nhóm CCCR sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác và chế độ vệ sinh an toàn lao động trong khai thác.

- Không khai thác trắng tại một vị trí có diện tích lớn hơn 50 ha (+/- 10%).

- Sản lượng khai thác hàng năm không vượt quá mức tăng trưởng rừng.

- Hạn chế tác động đến các loài thực vật mặt đất, để lại các cây chết đứng tại hiện trường khai thác.

- Gỗ khai thác được chuyển ra 2 bên bờ líp để thuận tiện cho công tác thu gom.

- Lưu thông đường thủy, phương tiện vận chuyển chính là ghe, xuồng.

4.4. Vệ sinh rừng sau khai thác và lập kế hoạch trồng rừng vào vụ liền kề

- Sau khi kết thúc hoạt động khai thác, chậm nhất là 15 ngày phải tiến hành vệ sinh rừng, thu gom cành nhánh rơi vãi ở các lòng kênh để lên trên mặt lớp để tránh ảnh hưởng tới nguồn nước, góp phần cải tạo đất. Sau đó sử dụng phương tiện cơ giới để nạo vét lớp, bang bờ lớp thực bì dưới lòng kênh đắp lên mặt lớp với độ dày khoảng 0,2m để xử lý thực bì và tạo lớp đất mặt mới để trồng lại cây Keo.

4.5. Vận xuất, vận chuyển

Vận xuất, vận chuyển đều sử dụng phương tiện đường thủy như ghe, xuồng, vó lái...

5. Kế hoạch tiêu thụ gỗ nguyên liệu

Gỗ khai thác từ rừng của Nhóm sẽ được vận chuyển về công ty TSC phục vụ cho nhà máy sản xuất dăm gỗ của công ty và các mặt hàng khác hoặc bán gỗ tròn ra thị trường.

Sản phẩm gỗ rừng trồng của Nhóm CCR chủ yếu là gỗ gia dụng và một phần gỗ dăm. Từ năm 2018, Công ty sẽ tận dụng 100% gỗ và phụ phẩm gỗ để sản xuất viên gỗ nén. Công ty ưu tiên bán gỗ lớn, gỗ dăm cho các đơn vị thu mua có chứng chỉ CoC.

6. Kế hoạch chế biến Lâm sản

Công ty TSC có hai nhà máy dăm gỗ, viên gỗ nén và các sản phẩm khác từ phụ phẩm gỗ, cung ứng Nguyên liệu trên 300.000 tấn/năm.

Thị trường chiến lược Trung Quốc, Korea, Japan và Châu Âu

7. Kế hoạch tỉa thưa và khai thác rừng của Nhóm CCR giai đoạn 2022-2031

- Tăng trưởng rừng bình quân năm 2023 là 57,08 m³/ha/năm, tổng tăng trưởng rừng bình quân là 46.540,29 m³/năm (*Số liệu đo đếm tăng trưởng rừng năm 2023*). Số lượng khai thác hằng năm không được vượt quá mức tăng trưởng rừng một năm.

Bảng 12: Dự kiến Tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng giai đoạn năm 2023-2031

Năm	Tăng trưởng (m ³)	Trữ lượng (m ³)	Kế hoạch khai thác (m ³)
2023	46.540,29	143.748,75	34.265,80
2024	46.819,30	149.495,78	45.034,24
2025	46.097,99	142.703,53	45.929,01
2026	46.011,96	138.317,67	40.359,20
2027	46.051,91	137.455,54	44.399,44
2023 - 2027	231.521,45	711.721,27	209.987,69
2028 - 2031	182.086,67	489.243,10	162.887,98

Bảng 13: Kế hoạch tái thừa rừng của Nhóm CCR giai đoạn năm 2022-2031

STT	Năm	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
1	2022	53,76	69,76	123,52	Khoảnh 3, 4; Tiểu khu 019 Khoảnh 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 3, 4, 6; Tiểu khu 021
2	2023	108,11	32,87	140,98	Khoảnh 4; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; tiểu khu 020 Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 021
3	2024	106,17	46,23	152,40	Khoảnh 1, 3; Tiểu khu 019 Khoảnh 4; Tiểu khu 020 Khoảnh 4, 5, 6, 7; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022
4	2025	92,77	0	92,77	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
5	2026	131,05	0	131,05	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3; Tiểu khu 021
6	2027	81,96	69,76	151,72	Khoảnh 3, 4, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 4, 5, 6; Tiểu khu 021
7	2028	112,21	32,87	145,08	Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
8	2029	104,42	46,23	150,65	Khoảnh 1, 3; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 6, 5; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022

STT	Năm	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
9	2030	148,42	0	148,42	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 5; Tiểu khu 021
10	2031	168,86	0	168,86	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 5, 7; Tiểu khu 021 Bờ kênh

Bảng 14: Kế hoạch khai thác rừng của Nhóm CCR giai đoạn năm 2022-2031

STT	Năm	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
1	2022	92,77	0	92,77	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 5, 7; Tiểu khu 021 Bờ kênh
2	2023	131,05	0	131,05	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3; Tiểu khu 021
3	2024	81,96	69,76	151,72	Khoảnh 3, 4, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 4, 5, 6; Tiểu khu 021
4	2025	112,21	32,87	145,08	Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
5	2026	104,42	46,23	150,65	Khoảnh 1, 3; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 5,6 ; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022

STT	Năm	Diện tích (ha)			Vị trí
		TSC	Hộ dân	Tổng	
6	2027	148,42	0	148,42	Khoảnh 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 5; Tiểu khu 021
7	2028	168,86	0	168,86	Khoảnh 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 5, 7; Tiểu khu 012 Bờ kênh
8	2029	93,02	69,76	162,78	Khoảnh 3, 4; Tiểu khu 019 Khoảnh 3, 6, 7; Tiểu khu 020 Khoảnh 1, 3, 4, 6; Tiểu khu 021
9	2030	133,59	32,87	166,46	Khoảnh 4, 5; Tiểu khu 019 Khoảnh 5; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5; Tiểu khu 021 Bờ kênh
10	2031	117,7	46,23	163,93	Khoảnh 1, 3, 6; Tiểu khu 019 Khoảnh 4, 6; Tiểu khu 020 Khoảnh 3, 4, 5, 6; Tiểu khu 021 Khoảnh 1; Tiểu khu 022

8. Kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng

- Kế hoạch bảo vệ rừng bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Diện tích bảo vệ: Bảo vệ rừng và đất rừng trên toàn bộ diện tích quản lý là 900,5 ha.

+ Thành lập đội sản xuất và quản lý bảo vệ rừng, thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Kiểm lâm và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp U Minh Hạ để thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, PCCCR và vào mùa khô.

+ Xây dựng các chốt bảo vệ, chòi canh để canh gác, giám sát và bảo vệ rừng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

+ Thường xuyên theo dõi sâu bệnh hại cây và các loài động vật thường phá hoại rừng đó là Chuột, Sóc chúng thường lột vỏ thân cây để làm tổ dẫn đến cây bị gãy.

+ Rừng Keo Lai thường xảy ra cháy ít hơn rừng Tràm do cây Keo Lai phát triển nhanh, các loài thực bì dưới tán ít, địa hình bị chia cắt bởi đào kênh kê líp. Nhưng trong những năm đầu nếu không được chăm sóc tốt thì các loại cỏ dại và dây leo, lá rụng trong

tháng mùa khô sẽ tạo thành vật liệu cháy, trường hợp này phải tiến hành các biện pháp PCCCR.

+ Thực hiện tốt công tác PCCCR và nuôi trồng thủy sản trong khu vực. Công ty xây dựng Phương án phòng chống cháy rừng, mua sắm trang bị các phương tiện, vật dụng cần thiết cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định.

+ Thực hiện đúng theo nội dung phương án PCCCR được lập hàng năm sau khi được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt. Thực hiện công tác tuyên truyền, thông báo cho tập thể cán bộ công nhân viên Ban quản lý rừng về nội dung của phương án PCCCR; các thiết bị máy móc cần thiết phục vụ chữa cháy như máy bơm, ống dẫn nước luôn được đặt trong trạng thái sẵn sàng... Khi phát hiện đám cháy phải nhanh chóng thông báo thông tin về vị trí đám cháy, công tác chữa cháy phải nhanh chóng kịp thời và đảm bảo an toàn cho con người và tài sản của công ty.

+ Rừng trồng phải được bảo vệ nghiêm ngặt suốt chu kỳ kinh doanh, tuyệt đối không để mất rừng. Tuần tra, kiểm tra thường xuyên để theo dõi phòng trừ sâu bệnh, gia súc, phòng chống cháy rừng, ngăn ngừa, phát hiện xử lý các hành vi xâm hại rừng trồng của con người, lập biên bản các vụ vi phạm về luật bảo vệ rừng (nếu có).

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ công nhân viên các biện pháp bảo vệ phòng chống cháy rừng. Thường xuyên nhắc nhở vận động nhân dân, nhất là dân sống ven rừng tích cực chủ động phòng, chống cháy rừng, bảo vệ và phát triển rừng, có ý thức giữ rừng không bị cháy đồng thời chủ động tích cực bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tuyên truyền, phổ biến cho các hộ trồng rừng và đồng bào dân tộc trong vùng về các biện pháp quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, không đốt, phá rừng. Kết hợp với chính quyền địa phương, Hạt kiểm lâm, cơ quan pháp luật để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng.

* Đặc biệt, kết hợp với các hộ dân liên kề để có kế hoạch bảo vệ rừng

+ Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ phát triển rừng và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng để cho các hộ dân hiểu được về vai trò trách nhiệm tham gia bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng có hiệu quả trên địa bàn.

+ Tăng cường các biện pháp để bảo vệ và phát triển rừng một cách toàn diện, có hiệu quả trên phạm vi rừng của Công ty và đất rừng liên kết. Ngăn chặn và hạn chế tới mức thấp nhất tình trạng cháy rừng và nạn khai thác rừng trái pháp luật xảy ra.

+ Phối hợp chặt chẽ với các hộ dân liên kề khi có sự cố về cháy rừng, chặt phá rừng xảy ra.

+ Tạo điều kiện hỗ trợ về mặt kiến thức lẫn vật chất cho các hộ dân liên kề để thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng.

- Kế hoạch chống chặt phá rừng

+ Tổ chức các đội tuần tra canh tác xung quanh khu vực rừng của công ty.

+ Tổ chức các trạm gác cửa rừng.

+ Tuyên truyền giáo dục, tổ chức mạng lưới dân để phát hiện kịp thời các vụ việc chặt phá rừng.

9. Kế hoạch phòng trừ sâu bệnh hại

9.1. Công tác điều tra và dự báo sâu, bệnh hại

- Điều tra sâu bệnh hại rừng trồng nhằm mục đích nắm chắc thành phần, mật độ và mức độ hại của từng loài sâu bệnh nhằm xác định những loài sâu bệnh hại nguy hiểm, tương đối nguy hiểm và ít nguy hiểm trên những loài cây trồng chính, từ đó đề xuất những giải pháp phòng trừ phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Quá trình điều tra phải được thực hiện thường xuyên và liên tục, nhằm tìm ra quy luật, số lượng sâu bệnh hại có thể phát triển để đưa ra biện pháp phòng trừ đạt hiệu quả. Trong quá trình điều tra phải tiến hành trên các cấp địa hình, loài cây, độ cao, các tác động khác nhau mà sâu bệnh hại phân bố hoặc có ảnh hưởng đến sự phân bố của sâu bệnh hại.

- Trong quá trình điều tra, phân loại cần thu thập mẫu sâu bệnh để phân loại và nghiên cứu. Tiến hành chuẩn đoán nguyên nhân sâu bệnh, sau mỗi ngày điều tra cần ghi chép và xử lý mẫu vật gây hại.

- Các số liệu điều tra được tổng hợp, dùng để so sánh đối chiếu với các diện tích rừng hoặc luống cây giống không bị sâu bệnh hại gây ra.

- Phương pháp điều tra: Tiến hành lập các ô tiêu chuẩn trên các diện tích rừng trồng hoặc luống cây giống để điều tra. Kích thước, số lượng, kiểu phân bố ô tiêu chuẩn tùy theo đối tượng, tùy theo diện tích rừng trồng hay tại trạm giống mà sử dụng. Trên từng ô tiêu chuẩn tiến hành:

- + Điều tra sâu bệnh hại lá.
- + Điều tra sâu bệnh hại thân, cành ngọn.
- + Điều tra sâu bệnh hại rễ.
- + Điều tra mức độ gây hại của các loài sâu, bệnh.
- + Xác định tỉ lệ cây bị sâu bệnh, mức độ bị hại.

9.2. Trình tự thực hiện việc kiểm soát, phòng trừ và xử lý sâu bệnh hại

- Trong quá trình kiểm tra các hoạt động lâm nghiệp, người được giao nhiệm vụ khi phát hiện sâu bệnh gây hại đối với vườn ươm, rừng trồng phải lập biên bản kiểm tra và báo cáo kịp thời về Công ty để xử lý, cụ thể:

+ Trong trường hợp sâu bệnh hại nhẹ: yêu cầu hoặc đề nghị các cơ sở sản xuất trực thuộc Công ty, chủ động xử lý tình hình sâu bệnh hại theo quy trình này và báo cáo diễn biến của sâu bệnh hại về Công ty.

+ Trường hợp sâu bệnh hại nặng: Phải nhanh chóng xác định nguyên nhân, áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa, sâu bệnh bùng phát trên diện rộng.

- Báo cáo kịp thời tình hình sâu bệnh hại và đề xuất biện pháp xử lý với Lãnh đạo Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng chức năng của Công ty trong việc phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng.

10. Kế hoạch quản lý Lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ cộng đồng

Bảng 15: Tổng hợp Lâm sản ngoài gỗ người dân được thu hái

STT	Loại lâm sản phụ được phép lấy	Mùa được phép thu hái	Phân công giám sát
1	Thuỷ sản	Cả năm	Cán bộ BVR
2	Củi	Cả năm	Cán bộ BVR
3	Mật Ong	Cả năm	Cán bộ BVR
4	Hoa súng, trái giác,...	Cả năm	Cán bộ BVR

Người dân chỉ được lấy củi, thuỷ sản, mật ong, các thực vật làm thực phẩm trong rừng trồng, lấy những cành nhánh sau khai thác để lại, người dân được thu hái không vượt quá mức trữ lượng cây chết, cây gãy đổ trong khu vực rừng trồng, nhằm duy trì môi trường sống cho các vi sinh vật sống trong rừng. Không được sử dụng các phương tiện huỷ diệt, lưới mắt nhỏ trong mùa sinh sản.

Sau khi thu hái xong phải báo sản phẩm thu hái được cho cán bộ giám sát hiện trường biết để tiến hành kiểm tra hiện trường thực tế, ký tên xác nhận khối lượng lâm sản ngoài gỗ thu hái được.

Người dân không phải trả tiền cho việc thu hái các lâm sản ngoài gỗ trong khu vực rừng của Nhóm CCR. Nhưng phải tuân thủ các quy định bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, vệ sinh trong khu vực thu hái, đảm bảo PCCCR.

Phân công giám sát: Cán bộ bảo vệ rừng có trách nhiệm giám sát số người vào rừng, địa điểm thu hái, thời gian và khối lượng thu hái đảm bảo không vượt quá khối lượng tối đa cho phép. Cuối mỗi tháng, cán bộ bảo vệ rừng có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ khối lượng các loại lâm sản phụ được người dân thu hái, số người thu hái, địa điểm thu hái, để báo cáo Công ty để Công ty điều chỉnh số lượng, loại Lâm sản phụ được phép thu hái trong các tháng tiếp theo sao cho đảm bảo được sự tái sinh của các loại Lâm sản phụ đó.

11. Kế hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch bảo tồn: 90,05 ha.

- Vị trí:

+ Lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 019 (Lô 7 - TSC)

Diện tích: 27,1 ha

+ Lô 3; 7, khoảnh 3, Tiểu khu 020 (Lô 12 - TSC)

Diện tích: 34,62 ha

+ Lô 1; 5, khoảnh 3, Tiểu khu 020 (Lô 9-TSC)

Diện tích: 28,33 ha

Bảng 16: Hiện trạng khu vực quy hoạch bảo tồn

STT	Vị trí	Diện tích (ha)	Năm trồng	Loài cây	Mật độ
1	Lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 019	16,6	2018	Keo lai	1,7m x 1,8m
		10,5	2018	Tràm	0,5m x 0,5m
2	Lô 3; 7, khoảnh 3, Tiểu khu 020	28,02	2017	Keo lai	1,7m x 1,8m
		6,6	2017	Tràm	1,0m x 1,0m
3	Lô 1; 5, khoảnh 3, Tiểu khu 020	28,33	2022	Keo lai	1,7m x 1,8m
TỔNG		90,05			

Lý do lựa chọn: những vị trí được lựa chọn làm khu bảo tồn là những vị trí có mức độ đa dạng sinh học cao. Khu vực đất có rừng bao gồm các loài cây gỗ như tràm, keo lai, bô, ... và các loài thực vật thân thảo như giác, choại, sùng, rau muống, bèo, sậy.... Khu vực này thường xuyên xuất hiện các loài động vật hoang dã như chim, cò, rắn nước, vịt trời,....

- Loài cây: Keo lai, Tràm.

* Keo lai: Là cây ưa sáng, mọc nhanh, cành lá dày, tán lá rậm thường xanh, hệ rễ phát triển mạnh, nhiều nốt sần có khả năng cố định đạm tự nhiên, góp phần cải tạo đất.

Qua thực tế cho thấy Keo lai là cây sinh trưởng tốt trên lập địa U Minh, Cà Mau. Gỗ của Keo lai thẳng, màu vàng, có vân, có giác lõi phân biệt, gỗ có tác dụng nhiều mặt như: sản xuất bột giấy, sản xuất ván dăm, ván MDF, gia công đồ mộc ...

* Tràm: Là loài cây trồng phổ biến ở các khu vực nhiệt đới trên khắp thế giới và là một loài cây bản địa ở vùng đất Cà Mau. Gỗ Tràm là nguyên liệu gỗ cho ngành xây dựng, trụ mỏ, nguyên liệu giấy sợi và đóng đồ gia dụng, lá Tràm còn dùng để bào chế tinh dầu, phục vụ ngành dược liệu.

- Mục đích quy hoạch khu vực Bảo tồn ĐDSH:

+ Bảo tồn các loài thực vật rừng, động vật rừng.

+ Duy trì các nguồn gen.

+ Làm phong phú hệ sinh thái.

* **Kế hoạch chuyển đổi dần dần khu vực Bảo tồn ĐDSH sang hệ sinh thái bản địa:**

- Tiến hành loại bỏ Keo lai để trồng Tràm bằng cách chia nhỏ diện tích và thời gian khai thác ra làm nhiều đợt.

Bảng 17: Kế hoạch chuyển đổi cụ thể

STT	Thời gian	Vị trí	Diện tích (ha)	Loài cây trồng	
				Ban đầu	Chuyển đổi
1	2024	Lô 2, khoảnh 5, Tiểu khu 019	16,6	Keo lai	Tràm
2	2023	Lô 3; 7, khoảnh 3, Tiểu khu 020	28,02	Keo lai	Tràm
3	2022	Lô 1; 5, khoảnh 3, Tiểu khu 020	28,33	Keo lai	Tràm
TỔNG			72,95	Keo lai	Tràm

12. Kế hoạch thực hiện Nông Lâm kết hợp

Ngoài trồng rừng Keo Lai là chính, Công ty còn trồng thực nghiệm một số loài khác như: Đinh Lăng và nấm Linh Chi dưới tán rừng.

Đinh Lăng

Cây Đinh Lăng, còn được gọi là cây nam dương sâm, tên khoa học là *Polyscias* sp., thuộc họ Nhân sâm (*Araliaceae*), là một trong số các loại dược liệu quý hiện nay. Đinh Lăng chứa nhiều dược chất với hàm lượng khác nhau như: glucosid, alcaloid, saponin triterpen, tanin, acid amin, vitamin B1,... Vì vậy, Đinh Lăng không chỉ sử dụng làm rau sống mà còn là một vị thuốc có tác dụng bồi bổ sức khỏe, chữa được nhiều loại bệnh như: chống dị ứng, chữa ho ra máu, làm lành vết thương, bệnh thận, kiết lỵ, tác dụng giải độc thức ăn thoái hóa đốt sống lưng, thông huyết mạch, bồi bổ khí huyết,... Tất cả các bộ phận của cây Đinh Lăng đều có thể chế biến thành thuốc.

Cây Đinh lăng là cây ưa bóng râm và chịu ẩm độ cao. Cùng với các đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng ưu đãi của Cà Mau, việc trồng cây Đinh Lăng dưới tán rừng tại U Minh, Cà Mau là rất thuận lợi.

Mật độ trồng: 0,8m x 0,8m

Chi phí:

- Cây giống: 10.000đ/cây
- Vận chuyển: 400đ/cây
- Công trồng: 800đ/cây
- Chăm sóc (năm 1 tuổi và 2 tuổi): 1.200.000đ/ha



Cây 1 năm tuổi:

Chiều cao cây trung bình: 1,8 m

Trọng lượng trung bình: 1kg/cây

Cây 2 năm tuổi:

Chiều cao cây trung bình: 2 m

Trọng lượng trung bình: 2kg/cây

13. Kế hoạch quản lý các hoạt động về thủy lợi của công ty/ người dân trong khu vực quản lý

** Công tác bảo vệ tài nguyên nước và dòng chảy*

- Trong các hoạt động lâm nghiệp phải tuân thủ đúng các quy trình, quy định về bảo vệ môi trường và nguồn nước mà công ty đã ban hành như quy trình khai thác rừng, quy trình trồng rừng, quy trình thiết kế đường vận xuất, vận chuyển và các công trình vượt dòng.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến các nguồn nước, bao gồm diễn biến về số lượng, chất lượng nước các kênh, rạch.

- Thường xuyên theo dõi các khu vực dòng chảy, có biện pháp đảm bảo cho dòng chảy luôn được lưu thông tốt không bị tắc, nghẽn.

- Tăng cường giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đắp đập giữ nước, xả nước theo quy định.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ công nhân viên và người dân về bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

- Tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên nước và môi trường.

** Hệ thống vận chuyển gỗ*

Gỗ khai thác được tập trung ở các bìa líp, sau đó sử dụng ghe, xuồng để vận chuyển gỗ đến sông lớn. Sau đó chuyển gỗ từ các phương tiện này sang các ghe lớn hoặc xà lang để bán trực tiếp cho khách hàng hoặc chuyển về công ty.

14. Kế hoạch và các giải pháp thực hiện mục tiêu xã hội

Tham gia các hoạt động xã hội:

+ Phối hợp với UBND xã Khánh Thuận gây quỹ tu dưỡng bảo trì đường bộ và gây quỹ chăm lo cho đời sống người dân.

+ Phối hợp hội khuyến học xã Khánh Thuận gây quỹ giúp đỡ học sinh nghèo.

+ Phối hợp tạo công ăn việc làm cho người dân xung quanh.

Giải pháp thực hiện:

+ Trao tiền mặt cho UBND xã Khánh Thuận gây quỹ tu dưỡng bảo trì đường bộ và phân bổ cho các ấp 3, ấp 4 và ấp 11 nhằm chăm lo cho đời sống người dân.

+ Trao tập, quà cho học sinh nghèo ở địa phương.

+ Thuê lao động địa phương trồng cây, chăm sóc rừng, khai thác rừng của công ty.

**Bảng 18: Kế hoạch sử dụng nguồn lao động của Nhóm CCR
từ năm 2022 – 2031**

Năm	Trồng cây (công)	Chăm sóc vệ sinh rừng (công)	Khai thác rừng (công)	Tổng (công)
2022	557	1.286	6.532	8.375
2023	786	1.194	8.596	10.576
2024	910	1.343	9.724	11.978
2025	870	1.697	8.187	10.754
2026	904	1.781	9.230	11.915
2027	891	1.774	9.568	12.233
2028	1.013	1.794	10.308	13.115
2029	977	1.904	10.163	13.044
2030	999	1.990	10.275	13.263
2031	984	1.975	10.595	13.554

15. Kế hoạch đào tạo, tập huấn

- Hàng năm, Nhóm CCR sẽ mời các chuyên gia tập huấn theo hình thức tại chỗ hoặc tập huấn nội bộ.
- Cử công nhân viên đi đào tạo, tập huấn tại các trường để nâng cao năng lực quản lý, trình độ tay nghề theo yêu cầu về nguồn lực của Nhóm CCR.
- Đối tượng được đào tạo: CBCNV công ty, người lao động trực tiếp, thành viên Nhóm CCR.

Bảng 19: Kế hoạch đào tạo, tập huấn Nhóm CCR

Nội dung đào tạo	Năm thực hiện	Số lượng (người/lần)	Đối tượng tập huấn	Nguồn lực
	2022-2031 (hàng năm)			
1. Kiến thức về quản lý rừng bền vững	1	40	Cán bộ quản lý kỹ thuật cấp công ty	Công ty tự tổ chức
2. Kiến thức về FSC® và hệ thống quản lý rừng đáp ứng yêu cầu FSC®	1	40	Cán bộ quản lý kỹ thuật cấp công ty	Công ty tự tổ chức
3. Kiến thức về đánh giá tác động môi trường, XH, ĐDSH	1	4	Cán bộ quản lý kỹ thuật cấp công ty	Công ty tự tổ chức

Nội dung đào tạo	Năm thực hiện	Số lượng (người/lần)	Đối tượng tập huấn	Nguồn lực
	2022-2031 (hàng năm)			
4. Kiến thức về an toàn vệ sinh lao động và sơ cấp cứu, quy trình trồng và chăm sóc rừng, quy trình nạo vét	1	63	Cán bộ quản lý Cty, công nhân lao động	Công ty tự tổ chức
5. Khai thác tác động thấp và sử dụng cưa xăng	1	43	Thợ cưa xăng, công nhân khai thác	Công ty tự tổ chức
6. Cử công nhân viên đi học các lớp đào tạo, tập huấn	1	5	Công nhân viên	Tư vấn

Ghi chú: Từ năm 2022 - 2031, Nhóm chỉ tổ chức đào tạo nếu có thay đổi về nhân sự hoặc thêm thành viên mở rộng Nhóm CCR hoặc nội dung cần đào tạo có thay đổi theo nhu cầu và căn cứ vào kết quả giám sát.

Tập huấn về quy định sử dụng hóa chất sẽ do công ty tổ chức thực hiện tập huấn khi có kế hoạch sử dụng hóa chất.

16. Kế hoạch giám sát, đánh giá

Ban Đại diện nhóm sẽ xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá. Cán bộ chuyên trách của công ty TSC và các đội sẽ giám sát, đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động ngoài hiện trường của Nhóm, hoặc người dân nhận khoán hoặc công nhân, nhà thầu. Đồng thời cập nhật các thông tin về xu hướng kinh tế, xã hội và các chính sách liên quan đến quản lý rừng, sản xuất lâm sản, các dịch vụ về rừng trong vùng. Kết quả giám sát, đánh giá sẽ được tài liệu hoá làm cơ sở để rà soát, cập nhật phương án quản lý rừng hàng năm.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý và kinh doanh rừng của nhóm, kế hoạch giám sát cho từng loại hoạt động được đưa như Bảng sau:

Bảng 20: Kế hoạch giám sát hằng năm của Nhóm CCR

TT	Loại hoạt động	Nội dung giám sát	Tần số
1	Trồng rừng	Tuân thủ theo thiết kế trồng rừng, an toàn lao động, sử dụng thiết bị an toàn lao động	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát
2	Chăm sóc rừng	Tuân thủ theo thiết kế về chăm sóc rừng trồng, an toàn lao động, sử dụng thiết bị an toàn lao động.	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát
3	Bảo vệ rừng, sâu bệnh, cháy rừng	Tình hình lấn chiếm đất đai, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép,	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát

TT	Loại hoạt động	Nội dung giám sát	Tần số
		săn bắt động vật rừng trái phép, tình hình sâu bệnh, nguy cơ cháy rừng.	
4	Khai thác	Tuân thủ theo thiết kế khai thác, an toàn lao động, sử dụng thiết bị ATLD, việc sử dụng máy móc thiết bị.	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát
5	Độ tăng trưởng của cây	Lập ÔTC, đo đếm đường kính (D1.3), chiều cao vút ngọn.	1 lần/năm đối với Keo lai
6	Nạo vét, bang bờ	Tuân thủ theo quy trình, an toàn lao động, sử dụng thiết bị an toàn lao động	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát
7	Môi trường	Tác động đến môi trường của các hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Giám sát 1 lần /tháng hoặc khi có các hoạt động gây tác động MT theo biểu mẫu giám sát
8	Xã hội	Tác động đến xã hội từ các hoạt động lâm nghiệp	1 lần/quý
9	Sản phẩm ngoài gỗ	Việc thu hái sản phẩm ngoài gỗ của người dân	Giám sát 2 lần/tháng theo biểu mẫu giám sát
10	Giám sát năng lực quản lý	Hồ sơ lưu trữ và kiến thức giám sát	1 lần/quý
11	Các hoạt động khác phục lỗi	Các yêu cầu cho hành động khắc phục đã được đưa ra trong thời gian giám sát nội bộ tại các lô rừng.	1 lần/quý

17. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

17.1 Kế hoạch doanh thu

Căn cứ diện tích, sản lượng, kế hoạch khai thác, chi phí và giá bán tại thời điểm xây dựng phương án; Nhóm xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng năm, giai đoạn 10 năm và cả chu kỳ 5 năm như sau:

Bảng 21: Dự kiến kế hoạch doanh thu từ khai thác rừng của Nhóm

TT	Kế hoạch năm	Trữ lượng (m ³)		Doanh thu (triệu đồng)	Doanh thu cả luân kỳ (triệu đồng)
		Tỉa thưa	Khai thác trắng		
1	2022	5.929	29.706	32.472	206.773
2	2023	6.767	34.266	37.397	
3	2024	7.315	45.034	47.863	
4	2025	4.453	45.929	46.362	
5	2026	6.290	40.359	42.678	
6	2027	7.283	44.399	47.246	222.784
7	2028	6.964	42.438	45.162	
8	2029	7.231	40.508	43.584	
9	2030	7.124	40.316	43.318	
10	2031	8.105	39.625	43.475	

17.2. Kế hoạch chi phí**Bảng 22: Kế hoạch chi phí của Nhóm CCR**

Năm	Chi phí (triệu đồng)					Tổng chi phí (triệu đồng)
	Chăm sóc (triệu đồng)	Trồng rừng (triệu đồng)	Nạo vét (triệu đồng)	Khai thác (triệu đồng)	Chi phí khác (triệu đồng)	
2022	257	571	1.041	5.559	10.000	17.428
2023	239	807	1.470	6.401	10.000	18.917
2024	269	934	1.702	8.167	10.000	21.072
2025	339	893	1.628	7.860	10.000	20.720
2026	356	928	1.690	7.277	10.000	20.251
2027	355	914	1.665	8.062	10.000	20.997
2028	359	1019	1.895	7.707	10.000	20.980
2029	381	1002	1.826	7.447	10.000	20.657
2030	398	1025	1.868	7.522	10.000	20.691
2031	395	1009	1.839	7.446	10.000	20.690

17.3. Kế hoạch lợi nhuận

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận của Nhóm CCR

Năm	Doanh thu (triệu đồng)	Chi phí (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng)
2022	32.472	17.428	15.043
2023	37.397	18.917	18.480
2024	47.863	21.072	26.792
2025	46.362	20.720	25.642
2026	42.678	20.251	22.427
2027	47.246	20.997	26.249
2028	45.162	20.980	24.182
2029	43.584	20.657	22.927
2030	43.318	20.691	22.626
2031	43.475	20.690	22.785

17.4. Kế hoạch vốn đầu tư

Bảng 24: Cân đối vốn đầu tư rừng trồng của Nhóm CCR

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Năm	Vốn đầu tư	Cân đối vốn			
			Vốn Nhóm CCR	Vốn vay	Vốn từ bán Lâm sản	Vốn khác
1	2022	17.428	6.971	1.743	3.486	5.229
2	2023	18.917	3.783	3.783	7.567	3.783
3	2024	21.072	4.214	4.214	8.429	4.214
4	2025	20.720	8.288	2.072	4.144	6.216
5	2026	20.251	6.075	2.025	8.101	4.050
6	2027	20.997	8.399	2.100	6.299	4.199
7	2028	20.980	4.196	6.294	6.294	4.196
8	2029	20.657	4.131	4.131	8.263	4.131
9	2030	20.691	6.207	2.069	8.276	4.138
10	2031	20.690	6.207	2.069	8.276	4.138

18. Phân tích tính bền vững về kinh tế, sinh thái, xã hội trong kinh doanh rừng trồng của Nhóm CCR

- Kinh tế:

Rừng trồng được quản lý chặt chẽ theo đúng quy trình kỹ thuật nên đạt năng suất cao, tăng lợi nhuận cho đơn vị trồng rừng. Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất,...

- Sinh thái:

Tăng độ che phủ rừng, góp phần cải thiện tiêu khí hậu vùng.

- Xã hội:

+ Cải thiện sinh kế của người dân sống quanh rừng thông qua xã hội hóa và đa dạng hoá các hoạt động lâm nghiệp; tạo thêm thu nhập và việc làm, từng bước giúp cho người dân có cuộc sống ổn định, góp phần xoá đói, giảm nghèo và giữ vững an ninh trật tự - xã hội. (Nhóm CCR thuê lao động địa phương trong khu vực rừng do Nhóm CCR quản lý).

+ Đời sống người dân được cải thiện, ổn định hơn sẽ tránh được tình trạng khai thác trái phép, các hoạt động bất hợp pháp.

PHẦN 4 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Tổ chức triển khai

- Phương án quản lý rừng được xây dựng chi tiết theo từng năm và xây dựng cả giai đoạn 10 năm 2022 - 2031.

- Sau khi phương án được phê duyệt, Ban Đại diện Nhóm CCR căn cứ kế hoạch hàng năm để triển khai cho các thành viên và nhân sự tại các Phòng chức năng thuộc công ty TSC thực hiện các nội dung phương án.

- Qua công tác giám sát đánh giá và căn cứ vào tình hình thực tế, phương án quản lý của Nhóm CCR sẽ được điều chỉnh kịp thời và phù hợp với năng lực của công ty. Điều chỉnh, cập nhật định kỳ hàng năm và khi có thay đổi đột xuất.

II. Giải pháp thực hiện

1. Công tác quản lý

- Thực hiện mô hình bộ máy quản lý trực tiếp Ban đại diện Nhóm CCR - công ty TSC xuống các đội. Tiếp tục thực hiện quản lý, theo hướng tăng chi phí trực tiếp, giảm mạnh chi phí gián tiếp, gắn quyền lợi người lao động với kết quả lợi nhuận của rừng trồng.

- Liên tục cải tiến các quy định phù hợp với tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và hướng dẫn các hộ thành viên, cán bộ công nhân viên trong công ty, nhà thầu, người lao động để triển khai thực hiện.

- Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã có kinh nghiệm trong công tác trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng công ty TSC với vai trò Ban Đại diện nhóm sẽ có cơ chế chính sách quản lý nhằm đề động viên tinh thần, ổn định đời sống, gắn bó lâu dài với công ty.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ công nhân viên để nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện các mục tiêu quản lý rừng của Nhóm.

- Căn cứ vào phương án quản lý rừng được phê duyệt, Ban Đại diện nhóm triển khai tổ chức thực hiện đúng nội dung phương án.

2. Quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng

2.1. Quan hệ và phối hợp với cơ quan liên quan

- Thường xuyên báo cáo với cơ quan có chức năng (Sở NN – PTNT, Chi cục Kiểm lâm, Sở Tài nguyên – Môi trường, UBND huyện/xã có liên quan).

- Mời các bên liên quan tham gia, góp ý vào phương án, các quy định của Nhóm có liên quan tới chính quyền, người dân địa phương hoặc các cơ quan đơn vị liên quan.

- Phối hợp với chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã trong một số hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, v.v.

2.2. Quan hệ và phối hợp với địa phương

- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời phối kết hợp trong công tác tuần tra, bảo vệ rừng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt các quy định về quản lý bảo vệ rừng phổ biến chính sách đến từng người dân. Ủng hộ địa phương xây dựng các công trình phúc lợi.

Vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng và các quy định của FSC® .

2.3. Quan hệ và phối hợp với người dân

- Phổ biến sâu rộng trong nhân dân và các hộ thành thành viên nhóm về quyền lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân nhận khoán rừng, nhằm động lực khuyến khích nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng và phát triển rừng.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của Nhóm đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi của người lao động theo luật pháp quy định. (Luật lao động, công ước ILO).

- Tuyên truyền giáo dục nhân dân, phát huy sâu rộng ý thức toàn dân cùng tham gia công tác bảo vệ rừng, sẵn sàng phối hợp với các lực lượng chuyên trách để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi phá rừng trái phép.

- Đào tạo nhằm nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho người lao động, bằng biện pháp phổ cập hoặc tập huấn các quy trình kỹ thuật lâm nghiệp.

- Thông báo các quy định về giải quyết tranh chấp, quy định cộng đồng, để người dân được biết và cùng phối hợp với Ban Đại diện Nhóm trong việc thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và đất rừng.

- Nhóm tôn trọng quyền sử dụng đất của các cộng đồng dân cư và các bên liên quan. Nhóm CCR chỉ sử dụng đất của các cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi có sự đồng ý tự nguyện, bằng văn bản của họ.

2.4. Phương thức giải quyết mâu thuẫn với các bên liên quan

- Nhóm CCR Thuý Sơn không tiến hành các hoạt động sản xuất lâm nghiệp khi có mâu thuẫn xảy ra tại các diện tích có tranh chấp về lãnh thổ hoặc quyền truyền thống mà chưa nhận được sự đồng thuận của người dân địa phương và các bên liên quan khác.

- Trước khi tiến hành các hoạt động quản lý rừng có khả năng gây thiệt hại, mất mát và các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng tới người dân địa phương, Đại diện Nhóm sẽ thỏa thuận, tìm hướng giải quyết hợp lý, nếu các hoạt động đó gây ảnh hưởng bất lợi thì sẽ bồi thường thiệt hại.

Trong hoạt động quản lý rừng của Nhóm, Ban Đại diện Nhóm- TSC áp dụng quy trình giải quyết mâu thuẫn, khiếu nại trong quản lý, bảo vệ rừng trồng.

3. Môi trường

3.1. Giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Không áp dụng phương pháp đốt thực bì.

- Không sử dụng các loại hóa chất trong quản lý rừng. Chỉ sử dụng hóa chất khi đặc biệt cần thiết và không còn lựa chọn thay thế nhưng không vượt quá giới hạn cho phép.

- Các hoạt động trong quá trình quản lý rừng không được làm thoái hóa đất.

3.2. Giảm thiểu tác động đến thủy văn và chất lượng nước

- Bao bì, các vỏ bầu, các tấm nilon che cây nông nghiệp, vỏ chai đựng xăng, dầu phải được thu gom về để xử lý.

- Các dụng cụ, thiết bị máy móc sử dụng khi chặt hạ, chuẩn bị đất trồng rừng phải được chăm sóc, bảo dưỡng để luôn luôn có trạng thái kỹ thuật tốt, tránh bị hỏng hóc phải sửa chữa trong rừng làm rò rỉ dầu trong lô rừng cũng như giảm lượng chất thải.

- Rác thải trên đường vận chuyển, chất thải từ các lán trại của công nhân khai thác trong lô khai thác, phải thu gom vào một địa điểm nhất định để xử lý.

3.3. Giảm thiểu tác động đến quần thể động thực vật

- Không áp dụng phương pháp đốt thực bì.

- Công nhân khai thác của công ty cần được đào tạo các kiến thức về khai thác giảm thiểu tác động.

3.4. Giảm thiểu tác động đến cảnh quan

Không tiến hành các hoạt động khai thác trong một hiện trường có diện tích tập trung lớn hơn 50 ha/năm.

3.5. Giảm thiểu tác động đến cộng đồng cư dân địa phương

- Cần tạo nhiều cơ hội việc làm cho cư dân địa phương từ các hoạt động khai thác và trồng rừng.

- Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, khói bụi khi khai thác tránh ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư sống quanh rừng.

3.6. Công tác bảo vệ tài nguyên nước và dòng chảy

- Trong các hoạt động lâm nghiệp phải tuân thủ các quy trình, quy định về bảo vệ môi trường và nguồn nước mà Nhóm đã ban hành như: Quy trình kỹ thuật lâm sinh, quy trình khai thác rừng trồng.

- Phối hợp với chính quyền các xã tuyên truyền khuyến khích bảo vệ và giữ gìn môi trường: sử dụng các phương pháp nuôi và đánh bắt thủy sản giảm thiểu tác động đến môi trường: không nuôi các loại thủy sản thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại; không sử dụng các phương thức đánh bắt có tác động tiêu cực đến thủy sản như dùng mìn hoặc dùng xung điện; không xả rác thải xuống kênh rạch...

- Theo dõi diễn biến của các nguồn nước (sông suối, ao hồ, kênh rạch): độ đục/trong; mùi; rác thải...

- Thường xuyên theo dõi các dòng chảy và có biện pháp xử lý kịp thời nếu dòng chảy bị tắc nghẽn đảm bảo dòng chảy luôn được lưu thông.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức cho cán bộ công nhân viên của công ty, nhà thầu và công nhân của họ kiến thức liên quan đến môi trường, thủy sản, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công việc nhằm ngăn chặn, giảm thiểu tác động xấu đến nguồn nước và nguồn lợi thủy sản.

4. Điều chỉnh kế hoạch hàng năm

- Dựa vào kết quả giám sát hàng năm của các hoạt động sản xuất kinh doanh: trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác, đánh giá tác động kinh tế, xã hội, môi trường mà có kế hoạch điều chỉnh cụ thể.

- Phản hồi của các bên liên quan đến tất cả các lĩnh vực.

- Thông tin về kết quả áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Thông tin về kinh tế xã hội môi trường mới của địa phương.

Thời gian điều chỉnh 1 năm 1 lần sau khi kết thúc năm kinh doanh dựa trên kết quả của hoạt động giám sát đánh giá cho từng loại hình kinh doanh lâm nghiệp của Nhóm CCR.

PHẦN 5 - KẾT LUẬN

Nhóm CCR Thuý Sơn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031 dựa trên các kết quả điều tra thực tế và căn cứ vào những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà Nước cũng như các quy định của FSC®. Điều này giúp BDD nhóm CCR Thuý Sơn tăng cường hệ thống quản lý và giám sát thực hiện trong công tác lâm nghiệp; Tạo mối cân bằng giữa lợi ích kinh tế của các Thành viên nhóm (Công ty TSC và các hộ thành viên) với các lợi ích về xã hội của người lao động, cộng đồng và các lợi ích về môi trường; Góp phần cải thiện thu nhập cho người dân địa phương; Góp phần giảm áp lực lên rừng tự nhiên, giữ gìn cảnh quan trong vùng, bảo vệ nguồn nước, giữ gìn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái;

Phương án QLRBV là cơ sở để tiến hành công tác quản lý và kinh doanh rừng được hoàn thiện hơn, tạo mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường.

Cập nhật, ngày 04 tháng 01 năm 2023

ĐƠN VỊ LẬP

BAN ĐẠI DIỆN NHÓM CCR THUÝ SƠN

